

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhũ Khuyên

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện CN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 488/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020. Về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp L T, xã Tân Hưng Đông, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Bận E - Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Ng H, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Phạm Văn Bận E kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau năm 2010. Sau khi kết hôn, chị N và anh Phạm Văn Bận E sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N và anh Phạm Văn Bận E bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, anh chị thường hay cãi nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có hàn gắn nhưng chị N và anh Phạm Văn Bận E không thể chung sống hạnh phúc. Chị N và anh Phạm Văn Bận E đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn Bận E.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định chị và anh Phạm Văn Bận E có 02 con chung tên Phạm Khánh B sinh ngày 12/10/2006 và Phạm Khánh L sinh ngày 11/6/2012, các con hiện đang sống chung với anh Phạm Văn Bận E. Chị N yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chị và anh Phạm Văn Bận E chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn Bận E, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án cũng đã triệu tập anh Phạm Văn Bận E để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng anh Phạm Văn Bận E đều vắng mặt không lý do.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn Bận E là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn Bận E có địa chỉ tại ấp Ngọc Hườn, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị N và anh Phạm Văn Bận E kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau vào năm 2010. Do đó, hôn nhân của chị N và anh Phạm Văn Bận E là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị N và anh Phạm Văn Bận E thực tế có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, chị N và anh Phạm Văn Bận E đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn Bận E. Anh Phạm Văn Bận E không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì chị N có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị N đã được Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo

quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh Phạm Văn Bận E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh Phạm Văn Bận E hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh Phạm Văn Bận E đến Tòa án nhân dân huyện CN để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Phạm Văn Bận E vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn Bận E. Anh Phạm Văn Bận E không đến Tòa án để hòa giải và tham dự phiên tòa, cho thấy anh Phạm Văn Bận E không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Phạm Văn Bận E là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm các con của anh chị đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, khi vợ chồng ly hôn, Tòa án xem xét nguyện vọng của con để làm căn cứ giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện CN thì cháu Phạm Khánh B trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với cha là anh Phạm Văn Bận E. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CN thì cháu Phạm Khánh L trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị N. Đây là ý chí tự nguyện của các cháu phù hợp với yêu cầu của chị N và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống chị và anh Phạm Văn Bận E không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Phạm Văn Bận E vắng mặt tại phiên tòa, anh không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn Bản E.

Về con chung: Giao con là Phạm Khánh B sinh ngày 12/10/2006 cho anh Phạm Văn Bản E tiếp tục nuôi. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao con là Phạm Khánh L sinh ngày 11/6/2012 cho chị Nguyễn Thị N nuôi. Anh Phạm Văn Bản E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005841 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN, chị N nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Phạm Văn Bản E không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Bản E có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện CN;
- Chi cục THADS huyện CN;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- UBND thị trấn CN,
huyện CN, Cà Mau;
- Lưu VP-HS.

Trần Nhủ Khuyên